

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THOẠI SƠN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 01/7/2020  
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoài Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Hoàng

2. Bà Diệp Thị Thu Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thanh Thúy – Là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn: Ông Phạm Văn Sơn – Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2020/TLST-HNGĐ ngày 03/01/2020 về “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/5/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2020/QĐ-ST ngày 29/5/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1965.

- Bị đơn: Ông Trần Văn D, sinh năm 1961.

Cùng địa chỉ: ấp T, xã V, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Nguyên đơn bà D có mặt. Bị đơn ông D vắng mặt.

**NỘI D V U Á N:**

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:

Bà với ông Trần Văn D chung sống với nhau từ năm 1986, không tổ chức đám cưới cũng không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng sống chung với gia đình chồng được vài tháng rồi cất nhà ra ở riêng. Trong quá trình chung sống vợ chồng không hợp, hay cãi nhau. Khoảng 12 năm trước do khó khăn về kinh tế nên bà và các con lên Bình Dương làm công nhân, ông D ở nhà. Trong thời gian này ông D có quan hệ với người phụ nữ khác, bà có trở về để nói chuyện

với ông D dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn nên bà quyết định sống ly thân từ đó cho đến nay. Hiện nay tình cảm của bà đối với ông D không còn, không thể hàn gắn lại được nên yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị D xin được ly hôn với ông Trần Văn D.

+ Về quan hệ con chung: Có 04 con chung tên Trần Văn Hậu A sinh ngày 12/10/1987, Trần Văn Hậu E sinh ngày 10/11/1988, Trần Thị Yến N sinh ngày 12/7/1989 và Trần Thị Diễm T sinh ngày 5/7/1992. Các con đều đã trưởng thành.

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn ông Trần Văn D: Tòa án đã tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho ông D nhưng từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay ông D vắng mặt và không có văn bản nào thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của bà D.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:

Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định đúng mối quan hệ pháp luật, thụ lý và giải quyết đúng theo quy định tại Điều 28, 35, 196 Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo Điều 203 và Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị D, từ khi thụ lý đến xét xử đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và 234 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Bị đơn ông Trần Văn D: Trong suốt quá trình giải quyết đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 đưa ra xét xử là phù hợp.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tuyên:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị D được ly hôn với ông Trần Văn D.

Về con chung: Các con đã trưởng thành, có khả năng nuôi sống bản thân nên không xét đến.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xét đến.

Về án phí: Do bà D yêu cầu xin ly hôn nên phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn. Bị đơn ông Trần Văn D có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp T, xã V, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn.

[1.2] Bị đơn ông Trần Văn D đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông D.

[2] Về nội D tranh chấp:

[2.1] Bà Nguyễn Thị Thị D và ông Trần Văn D chung sống với nhau từ năm 1986, không tổ chức đám cưới và đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Theo quy định tại Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội thì bà D và ông D chung sống với nhau trước ngày 03/01/1987 nên được pháp luật công nhận là hôn nhân thực tế, việc bà D có đơn xin ly hôn là phù hợp và được xem xét theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà D, thấy: Vợ chồng bà D đã sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Bà D trình bày rằng trong quá trình sống chung vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau nguyên nhân do ông D có quan hệ và chung sống với người phụ nữ khác như vợ chồng. Từ khi sống ly thân cho đến nay vợ chồng không gặp nhau, không có giải pháp để hàn gắn tình cảm để quay về sống chung. Mặt khác, trong quá trình giải quyết Tòa án có tiến hành thông báo hòa giải nhằm mục đích động viên, hàn gắn nhưng ông D vắng mặt và không có văn bản nào thể hiện nguyện vọng muốn được hàn gắn quan hệ vợ chồng với bà D để xây dựng hạnh phúc gia đình. Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 11/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn cũng thể hiện việc bà D với ông D ly thân đã lâu và hiện nay không còn sống chung. Căn cứ Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa bà D và ông D không còn, tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt

được. Do đó có đủ căn cứ để áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D.

[2.2] Về quan hệ con chung, thấy: Qua chứng cứ bà D cung cấp thì bà D và ông D có 04 con chung tên Trần Văn Hậu Anh sinh ngày 12/10/1987, Trần Văn Hậu Em sinh ngày 10/11/1988, Trần Thị Yến Nhi sinh ngày 12/7/1989 và Trần Thị Diễm Thu sinh ngày 5/7/1992. Các con đều đã trưởng thành.

[2.3] Bà D không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội bà D là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị D được ly hôn với ông Trần Văn D.

- Về quan hệ con chung: Các con đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Ghi nhận không có nợ chung. Tuy nhiên sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân bà Nguyễn Thị D và ông Trần Văn D phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000716 ngày 03/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang nên đã nộp xong.

Bà Nguyễn Thị D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trần Văn D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ

ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã (thị trấn) nơi cơ trú để yêu cầu xem xét phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh An Giang;
- VKS huyện Thoại Sơn;
- Chi Cục THADS huyện Thoại Sơn;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hoài Lâm**